

Số: **430/2022/QĐST-HNGĐ**

Quận Hai Bà Trưng, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

Người yêu cầu: Ông **N.V.T**, sinh năm 19...

Nơi ĐKKK thường trú: Số ..., Tập thể ..., ngõ ..., phố K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người yêu cầu: Bà **N.T.B.Y**, sinh năm 19....

Nơi ĐKKK thường trú: Số ..., Tập thể ..., ngõ ..., phố K, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/7/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/7/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông N.V.T và bà N.T.B.Y.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Ông N.V.T và bà N.T.B.Y xác nhận có 02 con chung là N.M.D, sinh ngày 24/5/2002 và N.Q.M, sinh ngày 29/12/2004. Chị D đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, nên ông T, bà Y không yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Ông N.V.T và bà N.T.B.Y thỏa thuận giao cháu N.Q.M cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bà Y có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Bà N.T.B.Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông N.V.T và bà N.T.B.Y tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Ông N.V.T, bà N.T.B.Y không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về lệ phí Tòa án: Ông N.V.T, bà N.T.B.Y mỗi người phải chịu 50% lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình, ghi nhận ông T tự nguyện chịu thay nghĩa vụ chịu lệ phí của bà Y. Ông T phải chịu 300.000 đồng lệ phí, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu số 0012317 ngày 31/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường T;
(GCNKH số 112, ngày 13/11/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam